

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN SƠN

**LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỐI XỬ TỐI HUỆ QUỐC
(MFN) TRONG PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Chuyên ngành : Luật Quốc tế
Mã số : 62380108

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS. TS. Hoàng Phước Hiệp**
- 2. TS. Nguyễn Hồng Bắc**

HÀ NỘI – 2017

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	5
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	6
MỞ ĐẦU.....	9
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN MFN TRONG PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	16
1.1. Các công trình nghiên cứu	16
<i>1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới.....</i>	<i>16</i>
<i>1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam.....</i>	<i>28</i>
1.2. Đánh giá các kết quả nghiên cứu	33
1.3. Đề xuất hướng nghiên cứu	38
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MFN TRONG PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	45
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển khái niệm MFN trong pháp luật thương mại quốc tế	45
<i>2.1.1. Sự hình thành quan niệm về đối xử MFN.....</i>	<i>45</i>
<i>2.1.2. Thể chế hóa MFN trong các điều ước thương mại quốc tế.....</i>	<i>51</i>
2.2. Khái niệm MFN trong pháp luật thương mại quốc tế.....	54
<i>2.2.1. Đối tượng áp dụng.....</i>	<i>55</i>
<i>2.2.2. Phạm vi áp dụng.....</i>	<i>57</i>
2.3. Những nguyên tắc áp dụng MFN trong pháp luật thương mại quốc tế	58
<i>2.3.1. Có đi có lại</i>	<i>58</i>
<i>2.3.2. Đối xử không kém ưu đãi so với quốc gia thứ ba.....</i>	<i>59</i>
<i>2.3.3. Nguyên tắc cùng loại (Ejusdem generis).....</i>	<i>60</i>
2.4. Các ngoại lệ của đối xử MFN	61
<i>2.4.1. Quan hệ đặc biệt giữa Bên trao MFN và Bên thứ ba.....</i>	<i>62</i>
<i>2.4.2. Tạm dừng nghĩa vụ MFN vì lý do bất khả kháng hoặc trường hợp đặc biệt.....</i>	<i>63</i>
<i>2.4.3. Không cam kết MFN với các đối xử tồn tại trước đây hoặc đối xử sẽ phát sinh sau này.....</i>	<i>63</i>
<i>2.4.4. Đối xử đặc biệt cho các nước đang phát triển và chậm phát triển.....</i>	<i>63</i>
2.5. Khuôn khổ pháp luật quốc tế điều chỉnh MFN.....	64
<i>2.5.1. Các tiền đề pháp lý để vận hành MFN trong thương mại quốc tế.....</i>	<i>64</i>
<i>2.5.2. Khuôn khổ pháp luật điều chỉnh MFN trong thương mại hàng hoá.....</i>	<i>66</i>
<i>2.5.3. Khuôn khổ pháp luật quốc tế điều chỉnh MFN trong thương mại dịch vụ.....</i>	<i>67</i>

2.5.4. Khuôn khổ pháp luật thương mại quốc tế điều chỉnh MFN trong đầu tư	69
2.5.5. Khuôn khổ pháp luật quốc tế điều chỉnh MFN trong sở hữu trí tuệ	71
2.6. Hệ quả của MFN đối với sự phát triển thương mại quốc tế	72
2.6.1. MFN góp phần thiết lập khuôn khổ pháp lý thúc đẩy thương mại bình đẳng, không phân biệt đối xử	72
2.6.2. Đa phương hóa MFN tạo cơ sở tự do hóa thương mại	73
2.6.3. Tạo điều kiện các nền kinh tế nhỏ hội nhập quốc tế	74
2.6.4. MFN góp phần thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng, nâng cao chất lượng phúc lợi xã hội	74
Chương 3. PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN VIỆT NAM VỀ MFN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	79
3.1. Tổng quan pháp luật Việt Nam về MFN trong thương mại quốc tế	79
3.1.1. Quá trình hình thành thuật ngữ <i>Đối xử Tối huệ quốc</i> trong pháp luật Việt Nam	79
3.1.2. Khuôn khổ pháp luật Việt Nam về MFN	83
3.2. Pháp luật và thực tiễn Việt Nam về MFN trong lĩnh vực thương mại hàng hóa	86
3.2.1. Khái niệm MFN trong thương mại hàng hóa	86
3.2.2. Phân biệt đối xử trên thực tế (<i>de facto</i>)	92
3.2.3. Các trường hợp miễn trừ MFN	92
3.3. Pháp luật và thực tiễn Việt Nam về MFN trong lĩnh vực thương mại dịch vụ	98
3.3.1. Đối tượng điều chỉnh	98
3.3.2. Phạm vi điều chỉnh	100
3.3.3. Các ngoại lệ và miễn trừ	101
3.3.4. Điều khoản MFN về dịch vụ trong các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương	104
3.4. Pháp luật và thực tiễn Việt Nam về MFN trong lĩnh vực đầu tư	106
3.4.1. Khái niệm	106
3.4.2. Đối tượng điều chỉnh	107
3.4.3. Phạm vi áp dụng	109
3.4.4. Nguyên tắc cùng loại (<i>ejusdem generis</i>)	110
3.4.5. Các ngoại lệ và miễn trừ	111
3.4.6. Ý nghĩa của điều khoản MFN trong các BIT hiện đại	114
3.5. Pháp luật và thực tiễn Việt Nam về MFN trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	115
3.5.1. Khái niệm về MFN trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	115
3.5.2. Phạm vi áp dụng	116
3.5.3. Các ngoại lệ	117

Chương 4. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ MFN	120
4.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật về MFN trong thương mại quốc tế.....	120
4.1.1. MFN đã có sự thay đổi về chất để trở thành tiêu chuẩn đối xử tối thiểu trong thương mại quốc tế.....	120
4.1.2. Khuôn khổ pháp luật trong nước về MFN chưa bao quát nhiều lĩnh vực và hành vi thương mại.....	122
4.1.3. Việt Nam đang hội nhập sâu vào kinh tế thế giới thông qua hệ thống các hiệp định FTA.....	123
4.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về MFN	128
4.2.1. Phương hướng dài hạn hoàn thiện pháp luật về MFN	128
4.2.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật MFN trong bối cảnh đàm phán FTA hiện nay.	130
4.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về MFN	132
4.3.1. Tích cực, chủ động tham gia đàm phán hoàn thiện các khuôn khổ pháp luật đa phương về thương mại, bao gồm các quy định MFN.....	132
4.3.2. Áp dụng trực tiếp điều khoản MFN trong các hiệp định quốc tế.....	133
4.3.3. Xây dựng điều khoản MFN phù hợp trong đàm phán FTA.....	135
KẾT LUẬN.....	140
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ	144
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	145
PHỤ LỤC	150

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Nguyễn Sơn

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AANZFTA	ASEAN – ANZ Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Úc và Niu-di-lon
ACFTA	Asean – China Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc
AKFTA	Asean – Korea Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc
AJCEP	Asean – Japan Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản
AIFTA	Asean – India Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Ấn Độ
ASEAN	Association of Southeast – Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BTA	Bilateral Trade Agreement	Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ
BIT	Bilateral Investment Treaty	Hiệp định đầu tư song phương
EAEC	Eurasia Economic Community	Cộng đồng Kinh tế Á Âu (bao gồm Nga, Belarusia, Kazaxtan, Armenia)
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do
GATT	General Agreement on Trade and Tariff	Hiệp định chung về thương mại và thuế quan
GATS	General Agreement on Trade in Services	Hiệp định thương mại dịch vụ của WTO
EFTA	European Free Trade Association	Hiệp hội Mậu dịch tự do Châu Âu (bao gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Lixtenstain)
ISDS	Investor - State Dispute Settlement	Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư

MFN	Most Favored Nation	Đối xử tối huệ quốc
NT	National Treatment	Đối xử quốc gia
NTR	Normal Trade Relation	Quy chế thương mại bình thường
PNTR	Permanent Normal Trade Relation	Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn
TRIM	Trade-related Investment Measures	Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan thương mại của WTO
TRIP	Trade-related Intellectual Property Rights	Hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan thương mại của WTO
TPP	Trans-Pacific Partnership	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương
VJEPA	Vietnam – Japan Economic Partnership Agreement	Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại thế giới
UNCTAD	United Nation Conference on Trade and Development	Diễn đàn Liên hợp quốc về thương mại và phát triển

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 4.1. Điều khoản MFN trong các FTA Việt Nam đã ký kết

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Ngày nay, không phân biệt đối xử được coi là một trong những nguyên tắc nền tảng của quan hệ quốc tế nói chung cũng như thương mại quốc tế nói riêng. Không phân biệt đối xử đã trở thành một nguyên tắc ứng xử được thừa nhận rộng rãi giữa các quốc gia, tạo tiền đề cho việc thiết lập quan hệ thương mại trên tinh thần hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi. Cam kết dành đối xử bình đẳng trong thương mại cho đối tác của mình được các quốc gia thể chế hóa vào các hiệp định thương mại. Điều khoản này từng bước được hoàn thiện về cả nội dung pháp lý và cơ chế vận hành để hình thành chế định Đãi ngộ Tối huệ quốc (MFN) như chúng ta thấy ngày nay. Theo cách hiểu thông thường, MFN là việc một quốc gia dành cho quốc gia khác các đãi ngộ không kém hơn những gì họ dành cho một quốc gia thứ ba. Điều này cho phép hàng hóa, các nhà cung cấp dịch vụ, nhà đầu tư... từ quốc gia thụ hưởng đãi ngộ này khi tiếp cận thị trường nước trao MFN sẽ được hưởng các quyền lợi không kém hơn các đối tác từ bất kỳ một nước thứ ba nào khác.

Để trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản của thương mại quốc tế ngày nay, MFN đã trải qua lịch sử phát triển hàng ngàn năm. Trong suốt tiến trình đó, việc một quốc gia cam kết dành cho một quốc gia khác đãi ngộ không kém ưu đãi so với những gì dành cho một quốc gia thứ ba, bên cạnh những giá trị về thương mại, còn thể hiện vị thế trong quan hệ giữa hai bên. Đó có thể là quan hệ mang tính đối tác, thân thiện, hữu hảo và cũng có thể là sự nhượng bộ đơn phương của bên yếu hơn. Trước năm 1947, khi Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan (GATT 1947) ra đời, cơ sở pháp lý để áp dụng MFN thường là các hiệp định song phương trên cơ sở có đi có lại. GATT đã thể chế hóa MFN thành một trong những nguyên tắc nền tảng của mình. MFN được thừa nhận là một nguyên tắc cơ bản trong quan hệ thương mại và được tuân thủ vô điều kiện bởi các thành viên ký kết hiệp định này. Sự ra đời của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) bao gồm hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đã tạo lập vị thế mới cho MFN. MFN trở thành một trong những quy chế pháp lý cơ bản của quan hệ thương mại giữa các quốc gia, được ghi

nhận trong các hiệp định thương mại song phương, đa phương. Từ đây, MFN không còn là hình thức đối xử ưu đãi như tên gọi vốn có mà trở thành tiêu chuẩn ứng xử tối thiểu mà một quốc gia dành cho các đối tác có quan hệ bình thường.

Trong bối cảnh Việt Nam đã và đang tích cực, chủ động hội nhập sâu sắc hơn vào thương mại quốc tế, việc nghiên cứu chuyên sâu các khía cạnh thực tiễn và pháp lý của MFN trong thương mại quốc tế cũng như ở Việt Nam là công việc mang tính thời sự, đáp ứng nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước hết, một trong các nhiệm vụ trọng tâm của hội nhập quốc tế được xác định trong các văn kiện của Đảng là xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh chúng ta đang hoàn thiện các thể chế của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý phù hợp thông lệ và đáp ứng các chuẩn mực thương mại hiện đại sẽ tạo tiền đề cho kinh tế Việt Nam tham gia sâu sắc và hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Trên tinh thần đó, Đảng chủ trương “Tiếp tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, tín dụng quốc tế, sở hữu trí tuệ, thuế quan, bảo vệ môi trường... Đồng thời, đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”[1]. Việc nghiên cứu sâu các nội dung pháp lý và thực tiễn của một nguyên tắc mang tính nền tảng của thương mại quốc tế sẽ góp phần thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta như tinh thần Nghị quyết của Đảng và đóng góp trực tiếp vào hoạt động đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại hiện nay.

Thứ hai, mặc dù thuật ngữ MFN đã hiện diện trong hầu hết các hiệp định thương mại song phương từ khi thương mại Việt Nam bắt đầu hội nhập vào môi trường khu vực và thế giới, MFN chỉ thực sự được ghi nhận thành một điều khoản chi tiết trong BTA năm 2000. Năm 2002 Việt Nam mới thể chế hóa MFN vào các quy định luật trong nước với việc ban hành Pháp lệnh về MFN và NT¹. Trong bối cảnh đó, các nghiên cứu tại Việt Nam về lý luận và thực tiễn áp dụng MFN còn khá khiên

¹ Pháp lệnh của UBTVQH số 41/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25/5/2002 về Đối xử tối huệ quốc và Đối xử quốc gia trong thương mại quốc tế.